

Số: 1080/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2020

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Thủ tướng Chính phủ v/v thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật giáo dục đại học số 08/2012/QH13, ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14, ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-ĐHNT ngày 12/6/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 623/QĐ-ĐHNT ngày 05/9/2017 về việc ban hành Quy định đào tạo đại học và cao đẳng của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Viện Công nghệ Sinh học và Môi Trường tại Trường Đại học Nha Trang;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 69 sinh viên vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

TT	Ngành tốt nghiệp	K55 (2013 – 2017)	K56 (2014 – 2018)	K57 (2015 – 2019)	K58 (2016 – 2020)	Cộng
1	Công nghệ sinh học	-	01	04	35	40
2	Kỹ thuật môi trường	01	-	05	23	29

Điều 2. Trường phòng liên quan, Viện Công nghệ Sinh học và Môi Trường và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Pi Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2020
 Theo Quyết định số 1080 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 9 năm 2020
 Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Công nghệ sinh học

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	56131406	Nguyễn Phương Đào Nguyên	07/01/1996	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	56.CNSH-1	2014-2018
2	57132416	Nguyễn Thị Thùy Dung	02/07/1997	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
3	57131160	Trần Xuân Thòa	10/03/1996	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
4	57130065	Nguyễn Thị Huyền Trang	01/09/1997	Nghệ An	Nữ	Khá	57.CNSH	2015-2019
5	57130783	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	15/01/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.CNSH	2015-2019
6	58131167	Nguyễn Thị Nhật Anh	09/07/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
7	58131169	Trần Thị Thu Ba	28/03/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
8	58131170	Nguyễn Thị Ngọc Bích	02/01/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
9	58131175	Huỳnh Kim Đình	28/04/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
10	58131172	Bùi Thị Kiều Duyên	26/03/1998	Bình Thuận	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
11	58131176	Nguyễn Thị Hương Giang	01/01/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
12	58131177	Đoàn Lê Thanh Giảng	19/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
13	58131182	Phạm Thị Thu Hằng	10/01/1998	Khánh Hoà	Nữ	Giỏi	58.CNSH	2016-2020
14	58131187	Nguyễn Minh Hiếu	20/02/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
15	58131188	Nguyễn Trung Hiếu	13/12/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
16	58131189	Trương Thị Minh Hiếu	02/11/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
17	58131192	Phạm Huy Hoàng	03/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
18	58133207	Hoàng Thị Kim Hồng	17/02/1998	Gia Lai	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
19	58133100	Lê Nhật Hưng	30/06/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
20	58133108	Nguyễn Thị Thu Huyền	09/07/1997	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
21	58131203	Nguyễn Thị Tú Linh	28/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
22	57130707	Đoàn Kim Mai	23/10/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
23	58131207	Đinh Gia Nghi	15/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
24	58131209	Phan Hồng Ngọc	28/05/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
25	58132589	Mai Nguyễn Hoàng Oanh	15/09/1998	Khánh Hoà	Nữ	Trung bình	58.CNSH	2016-2020
26	58131223	Tạ Ngọc Phú	06/05/1998	Ninh Thuận	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
27	58131224	Trần Tấn Phúc	21/06/1998	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
28	58131226	Phan Thị Diệu Phước	02/10/1998	Quảng Trị	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
29	58131227	Võ Thị Thu Phương	04/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
30	58131228	Phạm Thị Ngọc Phượng	28/12/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
31	58131235	Lê Ngọc Phương Thanh	25/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
32	58131242	Phan Thị Hoài Thi	22/10/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
33	58131244	Nguyễn Thị Thanh Thuận	06/10/1998	Quảng Nam	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
34	58132659	Phạm Thị Kim Thúy	14/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
35	58131233	Trương Trần Anh Tuấn	23/08/1998	Lâm Đồng	Nam	Khá	58.CNSH	2016-2020
36	58131251	Đỗ Thị Cẩm Vân	26/01/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
37	58131252	Nguyễn Huỳnh Nhã Vi	01/12/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
38	58133069	Văn Thị Thúy Vi	10/10/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
39	58131255	Phạm Vương Thúy Vy	08/05/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020
40	58131256	Nguyễn Thị Hải Yến	24/02/1997	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNSH	2016-2020

Danh sách có 40 sinh viên

(Chữ ký)

2. Kỹ thuật môi trường

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	55131796	Nguyễn Khoa Bình	28/10/1995	Bình Thuận	Nam	Trung bình	55.CNMT-2	2013-2017
2	57139007	Nguyễn Quốc Đạt	03/03/1996	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
3	57130170	Nguyễn Văn Hải	13/08/1997	Quảng Nam	Nam	Khá	57.CNMT-1	2015-2019
4	57130608	Lê Linh	11/02/1997	Phú Yên	Nam	Trung bình	57.CNMT-1	2015-2019
5	57132175	Nguyễn Thanh Tuấn	09/05/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
6	57130470	Nguyễn Nhật Tuyền	09/01/1997	Phú Yên	Nữ	Trung bình	57.CNMT-2	2015-2019
7	58133104	Nguyễn Văn Bình	18/03/1998	Khánh Hoà	Nam	Khá	58.CNMT	2016-2020
8	58133103	Hồ Lê Quỳnh Chi	25/04/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
9	58132311	Phạm Hải Chiêm	08/05/1998	Nam Định	Nam	Khá	58.CNMT	2016-2020
10	58132313	Trần Thị Diệu	10/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
11	58133389	Trần Quang Đức	25/01/1996	Khánh Hòa	Nam	Khá	58.CNMT	2016-2020
12	58132314	Nguyễn Lê Trang Dung	16/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
13	58132749	Trương Thị Hiệp	15/04/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
14	58132326	Nguyễn Thị Lin	20/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
15	58131333	Nguyễn Thị Ái Linh	07/09/1997	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
16	58132327	Lê Thị Thanh Linh	10/11/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
17	58132329	Phạm Thị Ngọc Mỹ	15/10/1998	Gia Lai	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
18	58132333	Đàng Thị Thảo Nguyên	08/02/1998	Ninh Thuận	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
19	58132335	Phạm Thị Minh Nguyệt	07/07/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
20	58132337	Phạm Thị Ngọc Nhung	16/06/1998	Bình Định	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
21	58132331	Trần Nguyễn Bảo Niên	23/07/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
22	58132341	Trần Thị Phương Quỳnh	02/02/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
23	58132351	Lê Thị Thắm	02/10/1998	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
24	58132357	Nguyễn Văn Trí	12/04/1997	Phú Yên	Nam	Khá	58.CNMT	2016-2020
25	58132358	Võ Thị Hồng Trinh	19/05/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
26	58132347	Phạm Thị Cẩm Tú	19/04/1998	Phú Yên	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
27	58132350	Ngô Lan Tường	10/08/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020
28	58139033	Nguyễn Lê Như Uyên	12/01/1998	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	58.CNMT	2016-2020
29	58132364	Nguyễn Thị Ý Vy	21/03/1998	Khánh Hoà	Nữ	Khá	58.CNMT	2016-2020

Danh sách có 29 sinh viên

Handwritten signature